

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày 21 - 5 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Rạt
- Ông Nguyễn Lý Hùng

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 320/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Phi Y, sinh năm 1976. Địa chỉ: I Khu vực 4, trị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Phi Y là ông Phạm Quốc S sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2024 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Phi Y do ông Phạm Quốc S đại diện trình bày:

Vào ngày 23/10/2023, bà Nguyễn Thị Phi Y có cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C mượn số tiền là 840.000.000 đồng (T trăm bốn mươi triệu đồng). Hai bên có làm giấy nhận nợ, bà H hứa sau 02 tháng trả nhưng đến nay bà H chưa trả cho bà Y. Nay bà Y yêu cầu bà H và cùng chồng là ông Nguyễn Minh C phải trả cho bà H số tiền mượn là 840.000.000 đồng và lãi chậm trả từ

ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bà Y không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H xác định: Vào tháng 6/2021, bà có mượn tiền của bà Y 540.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng), bà có trả lãi hàng tháng cho bà Y là 43.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ, bà đóng đến tháng 12/2022 thì không có khả năng đóng nữa nên bà Y cộng 300.00.000 đồng tiền lãi và vốn thành 840.000.000 đồng và có làm giấy nợ vào ngày 23/10/2023. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Y nói trên bà chỉ đồng ý trả 540.000.000 đồng tiền gốc, còn 300.000.000 đồng tiền lãi bà không đồng ý trả. Tuy nhiên hiện nay thu nhập bà khó khăn không có khả năng trả một lần bà xin trả dần 10.000.000 đồng/tháng đối với số tiền gốc là 540.000.000 đồng. Số tiền này bà tự mượn bà Y để làm ăn không liên quan đến chồng bà là ông C nên chồng bà không có nghĩa vụ liên đới với bà trả cho bà Y số tiền trên.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

Đại diện của bà Y là ông Phạm Quốc S không đồng ý các trả dần của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phi Y nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Phi Y khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Phi Y yêu cầu bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Minh C trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Phi Y có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Nguyễn Thị Phi Y khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C liên đới trả 840.000.000 đồng. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy mượn tiền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2]. Về nội dung:

Bà Y yêu cầu ông C và bà H phải trả cho bà số tiền 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng) theo giấy nợ ngày 23/10/2023. Bà Nguyễn Thị H xác nhận bà có ký giấy nhận nợ nhưng thực chất bà chỉ nợ 540.000.000 đồng còn lại là tiền lãi 300.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà H là không có căn cứ vì bà không chứng minh được số tiền 300.000.000 đồng là tiền lãi cộng dồn vào gốc và bà Y không thừa nhận lời trình bày này của bà H. Do đó căn cứ vào giấy nợ thì xác định bà H có ký giấy mượn bà Y là 840.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng). Số nợ này bà H mượn trong thời kỳ hôn nhân với ông C nên cần buộc ông C phải liên đới cùng bà H trả số tiền này cho bà Y. Về cách trả: bà H xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng không được bà Y chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà H. Về nghĩa vụ liên đới: xét việc bà H mượn tiền bà Y trong gia đoạn chung sống với ông C, mục đích của việc mượn tiền giải quyết công việc gia đình của hai người nên cần buộc ông C có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số tiền trên cho cho bà Y.

Về lãi suất chậm trả: căn cứ vào giấy nợ thời gian trả nợ là ngày 23/12/2023. Tuy nhiên quá hạn bà H và ông C không trả nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi 10%/năm. Thời gian tính lãi là ngày 24/12/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tiền lãi cụ thể: $840.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 35.789.600 \text{ đồng}$.

[3]. Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà H và ông C phải chịu án phí.

Vicác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 288, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phi Y về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với ông Nguyễn Minh C và Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H liên đới Nguyễn Minh C trả cho bà Nguyễn Thị Phi Y số tiền vốn 840.000.000 đồng + lãi 35.789.600 đồng = 875.789.600 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H và ông C phải chịu 38.273.688 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại bà Nguyễn Thị Phi Y 18.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006620 ngày 18/3/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mộng Thúy

